UBND XÃ QUANG THIỆN
TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG HƯỚNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 90/TB-MNĐH

Quang Thiện, ngày 03 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO CÔNG KHAI
Báo cáo quyết toán thu chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025- 2026

I.Nội dung công khai

Báo cáo quyết toán các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025- 2026. (Báo cáo kèm theo)

II. Hình thức và địa điểm công khai

- Công khai bằng văn bản trên bảng tin tại văn phòng nhà trường
- Công khai trong các cuộc họp chi bộ, họp hội đồng sư phạm nhà trường.
- Công khai trên trang wedside nhà trường.

III. Thời gian niêm yết công khai

- Thời gian niêm yết công khai trên trang wedside nhà trường: Từ ngày 03/06/2026.
- Thời gian niêm yết công khai trên bảng tin tại văn phòng nhà trường: Từ ngày 03/06/2026 đến 02/07/2026.

IV. Các ý kiến đóng góp:

- Mọi ý kiến đóng góp, phản hồi của cá nhân, giáo viên, cha mẹ học sinh bằng văn bản trước ngày 02/07/2026 xin được gửi về địa chỉ:

+ Hòm thư điện tử nhà trường: truongmamnondonghuong@gmail.com

+ Gửi ý kiến trực tiếp cho đồng chí hiệu trưởng.

+ Hòm thư góp ý nhà trường.

TM. NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG HƯỚNG

Cao Thị Lan

TÊN ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MN ĐỒNG HƯỚNG

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN THU, CHI DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội Dung	Số dư đầu kỳ	Tổng thu (01/09/2025-31/05/2026)	Trong đó:		Tổng chi (01/09/2025-31/05/2026)	Số dư cuối kỳ (hết ngày 31/05/2026)	Chứng từ thu (hóa đơn, phiếu thu tiền,...)	Ghi chú
				Số tiền đã nộp tài khoản tiền gửi của đơn vị tại kho bạc hoặc ngân hàng	Số tiền chưa nộp tài khoản tiền gửi của				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(5)+(6)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)=(3)+(4)-(7)*	*(9)*	*(10)*
I	**Các khoản theo quy định:**	**54.703.000**	**527.520.000**	**527.520.000**	**0**	**490.703.000**	**91.520.000**		
1	Học phí: Học ky I năm học: 2025 - 2026	54.703.000	**228.800.000**	**228.800.000**					
	Số thu Học Kỳ I năm học : 2025 - 2026		**0**	**0**					
	Mức 160.000đ/tháng		0	0					
	Cấp bù học phí Kỳ I năm học : 2025 - 2025		**228.800.000**	**228.800.000**					
	Trong đó: - Số học sinh được miễn thu học phí:		228.800.000	228.800.000					
	Chi học phí học Năm 2025								
	Chi cải cách tiền lương năm 2025					**191.983.000**			
	Các khoản chi hoạt động chuyên môn					54.703.000			
2	Học phí: Học ky II năm học: 2025 - 2026	91.520.000	**298.720.000**	**298.720.000**		137.280.000			
	Số thu Học Kỳ II năm học : 2025 - 2026		**0**	**0**					
	Mức 160.000đ/tháng		0	0					
	Cấp bù học phí Kỳ II năm học : 2025 - 2026		**298.720.000**	**298.720.000**					
	Trong đó: - Số học sinh được miễn thu học phí:		298.720.000	298.720.000					
	Chi học phí học Kỳ II năm học 2025 - 2026								
	Chi cải cách tiền lương năm 2026					**298.720.000**			
	Các khoản chi hoạt động chuyên môn					119.488.000			
						179.232.000	91.520.000		

III	**Các khoản thu theo thỏa thuận**	**40.680**	**2.697.383.000**	**2.697.423.680**	**0**	**2.692.458.561**	**4.965.119**		
1.1	**Tiền ăn bán trú**		**1.490.368.000**	**1.490.368.000**	**0**	**1.490.368.000**	**0**	**Hoá đơn**	
	Số tiền thu học kỳ I năm học 2025 - 2026: Mức thu: 22.000đ:		***689.634.000***	***689.634.000***		***662.091.900***	***27.542.100***	***Hoá đơn***	
	Tiền chi mua lương thực,thực phẩm từ tháng 8-12					526.282.000			
	Trả lại cho phụ huynh học sinh					660.000			
	Tiền chi thanh toán mua chất đốt					28.526.400			
	Tiền chi thanh toán mua sữa bột					60.000.000			
	Tiền chi thanh toán mua sữa chua					43.776.000			
	Chi mua nước rửa bát					2.847.500			
	Số tiền thu học kỳ II năm học 2025 - 2026: Mức thu: 22.000đ:	***27.542.100***	***800.734.000***	***800.734.000***		***828.276.100***	***0***	***Hoá đơn***	
	Tiền chi mua lương thực,thực phẩm từ tháng 1-5					658.440.000			
	Trả lại cho phụ huynh học sinh					9.017.600			
	Tiền chi thanh toán mua chất đốt					37.428.000			
	Tiền chi thanh toán mua sữa bột					71.760.000			
	Tiền chi thanh toán mua sữa chua					47.100.000			
	Chi mua nước rửa bát					4.530.500			
1.2	**Tiền dịch vụ nấu ăn**		**410.200.000**	**410.200.000**	**0**	**410.200.000**		**Hoá đơn**	
	Số thu học kỳ I năm học: 2025 - 2026: Mức thu: 130.000đ		***186.160.000***	***186.160.000***		***186.160.000***		***Hoá đơn***	
	Trả công cô nuôi từ tháng 9-12					147.800.000			
	Chuyển thanh toán BHXH, BHYT, BHTN, T9-12					38.360.000			
	Số thu học kỳ II năm học: 2025 - 2026: Mức thu: 120.000đ		***224.040.000***	***224.040.000***		***224.040.000***		***Hoá đơn***	
	Trả công nhân viên nấu ăn + hỗ trợ từ tháng 1-5					167.080.000			
	Chuyển thanh toán BHXH, BHYT, BHTN, T1-5					56.960.000			
1.3	**Tiền dịch vụ làm mát**		**82.475.000**	**82.475.000**	**0**	**78.398.157**	**4.076.843**	**Hoá đơn**	
	Số thu học kỳ I năm học : 2025 - 2026: Mức thu: 25.000đ		*35.800.000*	*35.800.000*		*31.897.504*	*3.902.496*	***Hoá đơn***	
	Tiền điện từ tháng 9 đến tháng 12					31.897.504			

	Số thu học kỳ II năm học : 2025 - 2026: Mức thu: 25.000đ		*46.675.000*	*46.675.000*		*46.500.653*	*174.347*	***Hoá đơn***	
	Tiền điện từ tháng 1 đến tháng 5					46.500.653			
1.4	**Tiền dịch vụ nước**		**65.980.000**	**65.980.000**	**0**	**65.795.084**	**184.916**	**Hoá đơn**	
	Tiền nước học kỳ I : năm học 2025 - 2026: Mức thu 20.000đ		*28.640.000*	*28.640.000*		*28.640.000*	*0*	***Hoá đơn***	
	Tiền nước sạch từ tháng 9 đến tháng 12					5.640.760			
	Thanh toán tiền nước uống cho công ty					19.125.000			
	Thanh toán tiền nước bình khu NB					3.874.240			
	Tiền nước học kỳ II : năm học 2025 - 2026: Mức thu 20.000đ		*37.340.000*	*37.340.000*		*37.155.084*	*184.916*	***Hoá đơn***	
	Tiền nước sạch từ tháng 1 đến tháng 5					12.300.084			
	Thanh toán tiền nước uống cho công ty					24.855.000			
	Thanh toán tiền nước bình khu NB								
1.5	**Tiền Dịch vụ vệ sinh trường lớp**		**82.475.000**	**82.475.000**	**0**	**82.475.000**		**Hoá đơn**	
	Tiền vệ sinh trường lớp học kỳ I năm học 2025 - 2026 (Mức thu: 25.000đ/tháng)		*35.800.000*	*35.800.000*		*35.800.000*	*0*		
	Tiền mua đồ dùng vệ sinh, giấy, nước lau sàn....					26.600.000		**Hoá đơn**	
	Tiền công thu gom rác từ tháng 9 đến tháng 12					1.200.000			
	Tiền công thuê quét dọn vệ sinh khu TT					8.000.000			
	Tiền vệ sinh trường lớp học kỳ II năm học 2025 - 2026 (Mức thu: 25.000đ/tháng)		*46.675.000*	*46.675.000*		*46.675.000*	*0*		
	Tiền mua đồ dùng vệ sinh, giấy, nước lau sàn....					35.175.000		**Hoá đơn**	
	Tiền công thu gom rác từ tháng 1 đến tháng 5					1.500.000			
	Tiền công thuê quét dọn vệ sinh khu TT					10.000.000			
1.6	**Tiền Dịch vụ chăm sóc trẻ thứ 7**		**235.290.000**	**235.290.000**	**0**	**235.290.000**			
	Tiền học thứ 7 học kỳ I năm học 2025 - 2026 Mức thu: 30.000đ/ngày		*100.560.000*	*100.560.000*		*100.560.000*			
	Chi trả công cho CBGVNV từ tháng 9-12/2025					98.392.800			

	Chi CSVC					2.167.200			
	Tiền học thứ 7 học kỳ II năm học 2025 - 2026 Mức thu: 30.000đ/ngày		*134.730.000*	*134.730.000*		*134.730.000*			
	Chi trả công cho CBGVNV từ tháng 1-5/2025					131.997.900			
	Chi CSVC					2.702.100			
	Trả lại phụ huynh cuối năm học					30.000			
1.7	**Tiền dịch vụ làm quen tiếng anh**		**121.165.000**	**121.165.000**	**0**	**121.165.000**			
	Thu Tiền học tiếng anh Kỳ I năm học 2025 - 2026: 27.500đ/tiết		***48.290.000***	***48.290.000***		*48.290.000*		***Hoá đơn***	
	Chi trả cho trung tâm					41.046.000			
	Chi cho cán bộ quản lý, GV trực tiếp					6.232.600			
	Chi cơ sở vật chất					1.011.400			
	Thu Tiền học tiếng anh Kỳ II năm học 2025 - 2026: 27.500đ/tiết		***72.875.000***	***72.875.000***		*72.875.000*		***Hoá đơn***	
	Chi trả cho trung tâm					61.944.000			
	Chi cho cán bộ quản lý, GV trực tiếp					9.474.000			
	Chi cơ sở vật chất					1.457.000			
1.8	**Tiền dịch vụ quản lý bán trú học kỳ II năm học 2025 - 2026**		**164.630.000**	**164.630.000**		**164.630.000**		***Hoá đơn***	
	Chi trả tiền QLBT cho CBGVNV từ tháng 1-5/2026					162.680.000			
	Chi trả lại phụ huynh do thừa cuối năm học					1.950.000			
1.9	**Thu tiền đồ dùng bán trú, đồ dùng cá nhân năm học 2025 - 2026**	*40.680*	**44.800.000**	**44.840.680**		**44.137.320**	**703.360**	**Hoá đơn**	
	Cháu mới: 150,000đ/năm học								
	Cháu học cũ: 100.000đ/năm học								
	Thanh toán mua sắm đồ dùng cá nhân, bán trú					44.137.320			
Tổng Cộng		**54.743.680**	**3.060.273.000**	**3.060.313.680**	**0**	**3.018.531.561**	**96.485.119**		

Quang Thiện , ngày 03 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Lan

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

U.B.N.D XÃ QUANG THIỆN TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG HƯỚNG

Cao Thị Lan